

19

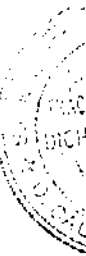
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Nhiệt điện Bà Rịa được thành lập lại theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BCN ngày 30/03/2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 4906000005 ngày 09/05/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty là thành viên hạch toán kinh tế độc lập thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng, được đăng ký kinh doanh theo nhiệm vụ quy định.

Trụ sở giao dịch: Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất nước cất; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng;
- Bốc dỡ, vận tải hàng hoá;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hữu Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Lin	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Mạnh Hùng	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc

Ông Phạm Hữu Hạnh	Giám đốc đến ngày 18/11/2007
Ông Huỳnh Lin	Giám đốc kể từ ngày 19/11/2007
Ông Phan Văn Dũng	Phó Giám đốc kể từ ngày 24/12/2007
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Giám đốc kể từ ngày 05/02/2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/10/2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được nêu trong Thuyết minh số VII.1 không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

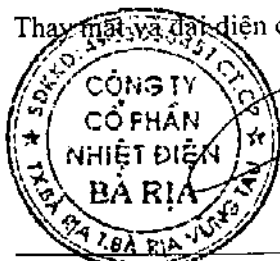
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huyền Chi
Giám đốc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008



Công ty Dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY
Kiểm toán . Thuế . Tài chính doanh nghiệp . Đào tạo

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 7557 446
Fax : (84-4) 7557 448
Website: uhyvietnam.com.vn

Số. 85 /UHY/2008/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007
của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa*

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Nhiệt điện Bà Rịa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/10/2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007. Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định kế toán hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét hồ sơ kiểm toán của các kiểm toán viên tiền nhiệm, theo đó số liệu tại ngày 01/01/2007 là số liệu trên Báo cáo của Công ty.

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty sau ngày 31/10/2007, chúng tôi không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và tài sản cố định tại ngày 31/10/2007. Với những tài liệu hiện có và tình hình thực tế tại Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/10/2007.

Hạn chế trong xử lý kế toán

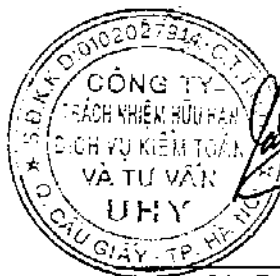
Theo như thuyết minh số IV.6 - TSCĐ và khấu hao TSCĐ hữu hình, trong năm Công ty thay đổi chính sách khấu hao nên đã làm chi phí khấu hao trong năm giảm 31 tỷ đồng.

Các yếu tố tùy thuộc

Chúng tôi xin lưu ý rằng, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007. Do đó, sau khi có Biên bản quyết toán thuế chính thức, Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh số liệu bổ sung theo Biên bản quyết toán thuế và sử lý tài chính, bàn giao tài sản, công nợ và nguồn vốn theo đúng hướng dẫn tại Nghị định số 109/2007/ND-CP ngày 26/06/2007 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa tại thời điểm 31/10/2007, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/10/2007, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0666/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 10 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.208.293.010.970	914.805.302.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.924.056.391	37.308.724.609
1. Tiền	111		29.924.056.391	37.308.724.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.001.517.122.874	702.708.222.585
1. Phải thu khách hàng	131		12.500.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		2.098.573.148	98.674.433
3. Phải thu nội bộ	133		998.560.961.643	699.803.138.526
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	845.088.083	3.185.101.127
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	(378.691.501)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	176.509.171.173	172.739.302.945
1. Hàng tồn kho	141		176.509.171.173	174.685.529.083
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(1.946.226.138)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		342.660.532	2.049.052.473
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.167.113	175.002.677
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	1.807.778.396
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		313.493.419	66.271.400
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.234.381.121.962	1.308.203.178.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.223.437.374.891	1.300.767.356.877
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.184.321.894.982	1.271.730.180.716
- Nguyên giá	222		2.305.920.523.974	2.295.334.540.725
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.121.598.628.992)	(1.023.604.360.009)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.650.699.546	1.900.805.536
- Nguyên giá	228		3.011.117.583	3.011.117.583
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.360.418.037)	(1.110.312.047)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	37.464.780.363	27.136.370.625
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000	10.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000	10.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.933.747.071	7.425.821.467
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.419.621.467	2.669.621.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.757.925.604	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.756.200.000	4.756.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.442.674.132.932	2.223.008.480.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 10 năm 2007

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.628.090.119.834	1.394.479.435.812
I. Nợ ngắn hạn	310		316.852.808.471	488.708.730.656
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	3.940.000.000	19.060.000.000
2. Phải trả người bán	312		117.377.667.078	139.350.037.674
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	23.584.159.365	8.260.338.560
5. Phải trả người lao động	315		8.509.356.936	8.452.665.021
6. Chi phí phải trả	316	V.9	118.296.301.426	- 30.326.785.197
7. Phải trả nội bộ	317	V.10	44.354.212.095	282.837.956.836
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	V.11	791.111.571	420.947.368
II. Nợ dài hạn	330		1.311.237.311.363	905.770.705.156
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	76.589.437
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	1.311.237.311.363	905.645.694.690
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	48.421.029
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		814.584.013.098	828.529.045.144
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	814.443.312.059	824.686.666.409
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		815.724.837.032	813.604.049.398
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.151.242.511	5.206.449.583
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.096.256.795	4.976.110.783
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		694.424.593	899.662.834
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.216.968	393.811
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.234.665.840)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		140.701.039	3.842.378.735
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		140.701.039	3.842.378.735
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.442.674.132.932	2.223.008.480.956

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		-	2.436.630.859

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	979.977.614.101	871.064.453.084
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	10		979.977.614.101	871.064.453.084
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	913.400.738.898	793.114.172.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp DV	20		66.576.875.203	77.950.280.123
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.076.632.220	548.877.514
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.340.847.257	59.691.778.627
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.845.593.745	59.691.778.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.006.732.301	17.788.879.140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.694.072.135)	1.018.499.870
11. Thu nhập khác	31		358.140.915	115.417.496
12. Chi phí khác	32		11.874.217	9.455.422
13. Lợi nhuận khác	40		346.266.698	105.962.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.347.805.437)	1.124.461.944
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2.700.540.082	314.849.344
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	(4.757.925.604)	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.290.419.915)	809.612.600

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thị Bích Phượng

Phạm Quốc Thái



Huỳnh Lin

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(7.347.805.437)	1.124.461.944
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2	V.4	99.092.916.871	138.522.299.373
- Các khoản dự phòng	3		(2.324.917.639)	2.324.917.639
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	VI.4	16.992.591.444	-
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	VI.3	(799.647.785)	(539.877.514)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	44.845.593.745	59.691.778.627
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8			
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(296.869.652.411)	(93.732.917.271)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(1.823.642.090)	(39.548.100.077)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(156.860.932.651)	6.649.964.119
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(3.362.090.040)	721.505.746
- Tiền lãi vay đã trả	13		(43.368.870.177)	(21.463.066.519)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(4.630.401.503)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		31.643.471.029	3.243.918.999
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(65.549.322.091)	(2.595.236.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(385.732.307.232)	49.769.247.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(5.092.170.000)	(36.163.634.842)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	799.647.785	539.877.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.292.522.215)	(35.623.757.328)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		9.161.136.000	4.785.829.042
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		388.599.025.229	27.877.412.064
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.120.000.000)	(15.760.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		382.640.161.229	16.903.241.106
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.384.668.218)	31.048.731.040
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.308.724.609	6.259.993.569
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	29.924.056.391	37.308.724.609

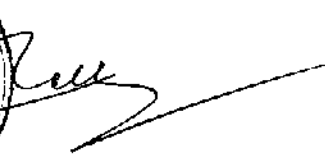
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Bích Phượng

Phạm Quốc Thái

Huỳnh Lin

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái quát chung

Công ty Nhiệt điện Bà Rịa được thành lập lại theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BCN ngày 30/03/2005 của Bộ Công Nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 4906000005 ngày 09/05/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21/02/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty là thành viên hạch toán kinh tế độc lập thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng, được đăng ký kinh doanh theo nhiệm vụ quy định.

Trụ sở giao dịch: Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng; Sản xuất nước cất; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng;
- Bốc dỡ, vận tải hàng hoá;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 được lập nhằm mục đích Bàn giao số liệu sang Công ty Cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp”, Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 30/10/2007 của Công ty được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Nhiệt điện Bà Rịa đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 30/10/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Lập dự phòng

Các khoản dự phòng được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Tuy nhiên, trong năm Công ty không trích lập bất kỳ một khoản dự phòng nào. Toàn bộ số dư khoản dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty hoàn nhập trong kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	5 - 14
- Phương tiện vận tải	10 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
- TSCĐ khác	5

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4674/CV-EVN-TCKT ngày 04/09/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc trích khấu hao TSCĐ của các đơn vị khi ra cổ phần. Theo đó, Công ty thay đổi chính sách khấu hao, tính lại chi phí khấu hao kể từ ngày 11/09/2006 đến ngày 31/10/2007 và hạch toán vào chi phí trong kỳ với giá trị là 31 tỷ đồng.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại quốc lộ 5, xã Long Hương, thị xã Bà Rịa theo Quyết định số 1206/QĐ-EVN-TCKT ngày 15/05/2003 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN). Giá trị quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

8. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

9. Chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Lãi (lãi) do đánh giá lại số dư tài sản, công nợ có gốc ngoại tệ không được xác định chi phí (thu nhập) tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được loại trừ khi phân phối các quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

10. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Tất cả các khoản chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quyết định này thay đổi theo từng thời điểm, việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Phần chênh lệch nguồn vốn giữa đăng ký kinh doanh và sổ sách kế toán sẽ được quyết toán và bàn giao lại cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam sau khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Việc phân phối các quỹ được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ và Công văn số 1388/EVN-TCKT ngày 28/03/2008 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc tính thuế TNDN và phân phối lợi nhuận năm 2007. Lỗ (lãi) do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2007 được loại trừ khi phân phối các quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
	VND	VND
Tiền mặt	159.869.628	520.196.419
Tiền gửi ngân hàng	29.764.186.763	36.788.528.190
Cộng	29.924.056.391	37.308.724.609

2. Các khoản phải thu khác

	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	400.225.071	178.742.000
Nhà máy Điện Thủ Đức	-	2.556.380.897
Phải thu khác	444.863.012	449.978.230
Cộng	845.088.083	3.185.101.127

3. Hàng tồn kho

	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	454.364.558	24.072.414.374
Nguyên liệu, vật liệu	171.272.903.562	136.952.752.139
Công cụ, dụng cụ	86.054.589	88.740.957
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.695.848.464	13.571.621.613
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	176.509.171.173	174.685.529.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2007	77.404.335.150	2.166.656.382.235	26.791.614.910	24.456.582.411	25.626.019	2.295.334.540.725
- Mua trong kỳ	-	1.015.047.928	-	25.687.885	-	1.040.735.813
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.545.247.436	-	-	-	-	9.545.247.436
Tại ngày 31/10/2007	<u>86.949.582.586</u>	<u>2.167.671.430.163</u>	<u>26.791.614.910</u>	<u>24.482.270.296</u>	<u>25.626.019</u>	<u>2.305.920.523.974</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2007	22.804.682.228	974.417.301.428	13.248.550.479	13.111.887.156	21.938.718	1.023.604.360.009
- Khấu hao trong kỳ (*)	3.940.562.168	89.959.320.930	810.528.250	4.133.837.436	(1.437.903)	98.842.810.881
- Điều chỉnh tăng	-	-	-	11.900.125	-	11.900.125
- Điều chỉnh giảm	-	59.119.746	-	801.322.277	-	860.442.023
Tại ngày 31/10/2007	<u>26.745.244.396</u>	<u>1.064.317.502.612</u>	<u>14.059.078.729</u>	<u>16.456.302.440</u>	<u>20.500.815</u>	<u>1.121.598.628.992</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2007	<u>54.599.652.922</u>	<u>1.192.239.080.807</u>	<u>13.543.064.431</u>	<u>11.344.695.255</u>	<u>3.687.301</u>	<u>1.271.730.180.716</u>
Tại ngày 31/10/2007	<u>60.204.338.190</u>	<u>1.103.353.927.551</u>	<u>12.732.536.181</u>	<u>8.025.967.856</u>	<u>5.125.204</u>	<u>1.184.321.894.982</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có

(*) Bao gồm cả khoản điều chỉnh chi phí khấu hao TSCĐ từ ngày 11/09/2006 đến ngày 31/10/2007 với giá trị 31 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư tại 01/01/2007	3.011.117.583	3.011.117.583
Số dư tại 31/10/2007	<u>3.011.117.583</u>	<u>3.011.117.583</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2007	1.110.312.047	1.110.312.047
- Khấu hao trong năm	250.105.990	250.105.990
Số dư tại 31/10/2007	<u>1.360.418.037</u>	<u>1.360.418.037</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày 01/01/2007	<u>1.900.805.536</u>	<u>1.900.805.536</u>
Tại ngày 31/10/2007	<u>1.650.699.546</u>	<u>1.650.699.546</u>

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Chi phí XD CB dở dang	-	3.480.345.258
<i>Trong đó:</i>		
+ Hội trường nhà truyền thống	-	3.480.345.258
Chi phí sửa chữa lớn	37.464.780.363	23.656.025.367
Tổng cộng	<u>37.464.780.363</u>	<u>27.136.370.625</u>

7. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.940.000.000	19.060.000.000
Cộng	<u>3.940.000.000</u>	<u>19.060.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Thuế Giá trị gia tăng	22.558.004.804	7.386.591.077
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	771.410.850	-
Thuế thu nhập cá nhân	236.886.744	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	423.136.225
Các loại thuế khác	17.856.967	-
Các loại thuế khác	-	450.611.258
Cộng	23.584.159.365	8.260.338.560

9. Chi phí phải trả

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Sửa chữa lớn phải trả	92.490.716.115	23.201.780.147
Lãi vay dài hạn phải trả	22.893.205.020	7.125.005.050
Lãi vay các cá nhân khác	1.476.723.568	-
Phải trả chi phí XD/CB dở dang	1.435.656.723	-
Cộng	118.296.301.426	30.326.785.197

10. Phải trả nội bộ

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trong đó:		
<i>Vay dài hạn nội bộ</i>	-	244.509.878.987
<i>Tạm ứng vốn kinh doanh</i>	33.500.000.000	33.500.000.000
<i>Lợi nhuận phải trả</i>	10.854.212.095	4.828.077.849
Cộng	44.354.212.095	282.837.956.836

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 31/10/2007 VND	Tại 01/01/2007 VND
Bảo hiểm y tế	16.312.542	4.295.247
Bảo hiểm xã hội	77.519.862	-
Kinh phí công đoàn	88.977.089	195.424.244
Phải trả về cổ phần hoá	459.076.073	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	149.226.005	221.227.877
Cộng	791.111.571	420.947.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

12. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Tại 31/10/2007	Tại 01/01/2007
	VND	VND
Vay dài hạn	1.311.237.311.363	905.645.694.690
<i>Ngân hàng ĐT và PT Bà Rịa Vũng Tàu</i>	<i>39.523.313.137</i>	<i>39.523.313.137</i>
<i>Quỹ HTPT Bà Rịa Vũng Tàu</i>	<i>866.122.381.553</i>	<i>866.122.381.553</i>
<i>Ngân hàng Thế giới (WB)</i>	<i>405.591.616.673</i>	-
Cộng	1.311.237.311.363	905.645.694.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
							Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Tại ngày 01/01/2006	364.422.419.393	-	5.396.731.324	818.701.574	393.811	-	370.638.246.102
- Tập đoàn cấp	-	-	4.785.829.042	-	-	-	4.785.829.042
- Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển	-	5.206.449.583	-	-	-	-	5.206.449.583
- Phần lợi nhuận để lại	659.527.758	-	-	80.961.260	-	1.124.461.944	1.864.950.962
- Điều chỉnh khi chuyển đổi	743.394.778.138	-	-	-	-	-	743.394.778.138
- Giám vốn vay tập đoàn	282.513.021.273	-	-	-	-	-	282.513.021.273
- Điều chỉnh khi chuyển đổi	12.359.654.618	-	-	-	-	-	12.359.654.618
- Mua sắm tài sản bằng quỹ ĐTPT	-	-	5.206.449.583	-	-	-	5.206.449.583
- Giảm khác	-	-	-	-	-	1.124.461.944	1.124.461.944
Tại ngày 31/12/2006	813.604.049.398	5.206.449.583	4.976.110.783	899.662.834	393.811	-	824.686.666.409
Tại ngày 01/01/2007	813.604.049.398	5.206.449.583	4.976.110.783	899.662.834	393.811	-	824.686.666.409
- Tăng trong kỳ	1.272.245.736	944.792.928	64.938.940	694.424.593	10.823.157	-	2.987.225.354
- Tăng khác	848.541.898	-	-	-	-	-	848.541.898
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	10.048.345.519	10.048.345.519
- Giảm khác	-	-	944.792.928	899.662.834	-	2.186.320.321	4.030.776.083
Tại ngày 31/10/2007	815.724.837.032	6.151.242.511	4.096.256.795	694.424.593	11.216.968	(12.234.665.840)	814.443.312.059

(*): Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ thưởng ban quản lý điều hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
	VND	VND
Doanh thu bán điện	979.152.392.438	867.915.297.274
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	825.221.663	3.149.155.810
Cộng	979.977.614.101	871.064.453.084

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
	VND	VND
Giá vốn bán điện	912.688.653.983	789.989.237.316
Giá vốn dịch vụ	712.084.915	3.124.935.645
Cộng	913.400.738.898	793.114.172.961

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	799.647.785	539.877.514
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.276.984.435	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.000.000
Cộng	2.076.632.220	548.877.514

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007	Năm 2006
	VND	VND
Lãi tiền vay	44.845.593.745	59.691.778.627
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	502.512.453	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.992.591.444	-
Chi phí tài chính khác	149.615	-
Cộng	62.340.847.257	59.691.778.627



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 VND	Năm 2006 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.700.540.082	2.007.091.832
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.700.540.082	2.007.091.832

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 VND	Năm 2006 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.757.925.604)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4.757.925.604)	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2007 đến 31/10/2007 VND
Doanh thu với các bên liên quan Tập đoàn Điện lực Việt Nam Trong đó: <i>Tiền bán điện</i>	979.069.986.472 979.069.986.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

1. Thông tin với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan

	Tại ngày 31/10/2007	
	Dư nợ VND	Dư có VND
Phải thu nội bộ	998.560.961.643	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Phải thu tiền điện	361.618.489.749	-
Phải thu khấu hao TSCĐ	174.220.690.618	-
Phải thu chi phí sản xuất khác	275.018.119	-
Phải thu chênh lệch tỷ giá	294.260.379.535	-
Phải thu khác	168.186.383.622	-
Phải trả nội bộ	-	44.354.212.095
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lợi nhuận nộp về Tập đoàn	-	10.854.212.095
Tập đoàn tạm ứng vốn	-	33.500.000.000

2. Sự kiện đặc biệt

Theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26/08/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Bà Rịa; Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000451 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01/11/2007. Theo đó:

- Con dấu và tên gọi từ thời điểm 01/11/2007 của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa là "Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa";
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Huỳnh Lin;
- Vốn điều lệ của Công ty là 604.856.000.000 đồng chia thành 60.485.600 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 48.121.557 cổ phần tương ứng 481.215.570.000 đồng, chiếm 79,55% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.364.043 cổ phần tương ứng 123.640.430.000 đồng, chiếm 20,45% vốn điều lệ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để thực hiện bàn giao số liệu từ Công ty Nhiệt điện Bà Rịa sang Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Công ty Nhiệt điện Bà Rịa đã được kiểm toán, theo đó các số liệu này không hoàn toàn có thể so sánh được. Một số số liệu đã được phân loại lại để phù hợp với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/10/2007.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2008

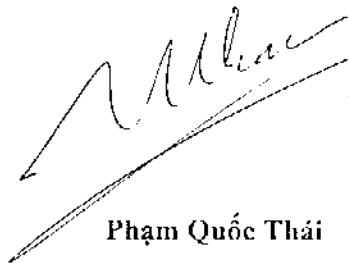
Người lập biểu

Kế toán trưởng

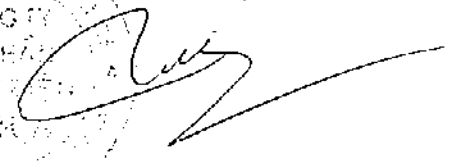
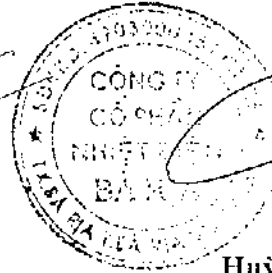
Giám đốc



Võ Thị Bích Phượng



Phạm Quốc Thái



Huỳnh Lin